

TỈNH PHÚ THỌ

1. Thông tin chung

Tỉnh Phú Thọ thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc, có tọa độ địa lý từ 20⁰55' đến 21⁰43' vĩ độ Bắc, 104⁰48' đến 105⁰27' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh; Tuyên Quang, Phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình; Phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc và Thành phố Hà Nội; Phía Tây giáp tỉnh Sơn La và tỉnh Yên Bái;

Phú Thọ có vị trí trung tâm vùng TDMNPB và là cửa ngõ phía Tây Bắc của Thủ đô Hà Nội, nằm trên trục hành lang kinh tế Hải Phòng – Hà Nội – Côn Minh (Trung Quốc), liền kề vùng Kinh tế Trọng điểm Bắc Bộ, cách sân bay quốc tế Nội Bài 50 km và Trung tâm thành phố Hà Nội 80 km, có đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai và là nơi hợp lưu của ba con sông lớn: sông Hồng, sông Đà và sông Lô. Nên có nhiều điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Có các vùng địa hình khác nhau (đồng bằng, trung du và miền núi), khí hậu đa dạng và phân hóa mạnh, nên hình thành nhiều tiểu vùng sinh thái khác nhau. Các dạng địa hình của tỉnh có ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh và đặc biệt là đối với lĩnh vực trồng trọt. Địa hình đồng bằng khá bằng phẳng (đầu tư hệ thống thủy lợi ít tốn kém) thích hợp đối với canh tác lúa, nuôi cá và trồng cây màu, địa hình đồi núi khí hậu thay đổi khi càng lên cao, thích hợp với trồng cây dược liệu, trồng rừng, trồng hoa. Đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo hướng sản phẩm hàng hoá đa dạng, phong phú. Song các yếu tố khí hậu khắc nghiệt, đặc biệt là lạnh giá, sương muối, lũ quét... ở vùng đồi núi cũng gây trở ngại không nhỏ cho sự phát triển chung, nhất là sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư.

2. Dân số và lao động

Phú Thọ có 11 huyện, 1 thị xã và 1 thành phố, với 248 xã, phường, thị trấn. Dân số tính đến 31/12/2015 có 1.370.625 người, mật độ dân số đạt 388 người/km², một số nơi có mật độ dân số cao như: thành phố Việt Trì có mật độ dân số tới 1.770 người/km², thị xã Phú Thọ có mật độ dân số 1.089 người/km², huyện Lâm Thao có mật độ dân số 1.051 người/km². Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số của tỉnh là 12,01%. Phú Thọ là đa phần là dân số sống ở nông thôn với 1.115.370 người, chiếm 81,38% tổng dân số. Dân số ở thành thị là 255.255 người, chiếm 18,62% dân số.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỷ suất sinh thô tăng từ 17,74‰ (2011) lên 18,03‰ (2015), tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tăng từ 11,87‰ (2011) lên 12,01‰ (2015). Năm 2015 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 14,6%; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng đạt 99,7%.

Theo thống kê 2015, lực lượng lao động tỉnh Phú Thọ có 743,8 nghìn người đang làm việc trong các ngành kinh tế, trong đó lao động nông lâm thủy sản là 420,7 nghìn người, lao động trong công nghiệp là 162,6 nghìn người, lao động dịch vụ đạt 155,5 nghìn người. Số lượng lao động được tạo công việc mới trong năm 2015 là người, tỷ lệ thất nghiệp tại tỉnh chỉ có 0,64%. Trong đó, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo tại tỉnh đạt 24,5%.

Tỷ lệ hộ nghèo của Phú Thọ cũng giảm mạnh, nếu như năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo là 20,34% thì đến năm 2015 còn 12,04%.

Quy hoạch đến năm 2020, đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cơ bản, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 70%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28%. Lao động có việc làm tăng thêm 5 năm đạt 77,5 nghìn người; xuất khẩu lao động 2,5 nghìn người/năm trở lên. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm còn 50% tổng lao động toàn xã hội.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5%/năm; phấn đấu đưa huyện Tân Sơn thoát nghèo.

3. Cơ cấu kinh tế tỉnh

Trong năm 2015, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP giá 2010) đạt 29.896,06 tỷ đồng (giá so sánh), tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt mức 6,37%/năm, trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 6,35%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 5,06%/năm; dịch vụ tăng bình quân 8,79%/năm. GRDP bình quân/người tiếp tục được rút ngắn so với bình quân cả nước, năm 2015 đạt 55,3 triệu đồng, tăng 24,16 triệu đồng so với năm 2011.

Giai đoạn 2011 - 2015, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong năm 2015, lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chiếm 24,88%, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37,99%, lĩnh vực dịch vụ và du lịch chiếm 37,13%. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp - xây dựng và giảm dần trong lĩnh vực nông, lâm thủy sản.

Thu ngân sách năm 2015 trên toàn tỉnh là 5.294,52 tỷ đồng, chi ngân sách năm 2015 toàn tỉnh là 10.565,2 tỷ đồng.

* Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2020:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá so sánh 2010) bình quân 7,5%/năm; trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 9,5%/năm; dịch vụ tăng 7,5%/năm; nông, lâm nghiệp tăng 3,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế năm 2020: Công nghiệp - xây dựng 41,5%, dịch vụ 38,5%; nông lâm nghiệp, thủy sản 20%.

- Đến năm 2020 GRDP bình quân đầu người đạt 52,5 triệu đồng (tương đương 2.400 USD).

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, đến năm 2020 đạt trên 1.300 triệu USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 95 nghìn tỷ đồng.

4. Cơ cấu giá trị sản xuất nông lâm thủy sản

Trong năm 2015, tổng sản phẩm nông lâm thủy sản theo giá thực tế đóng góp trong tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) đạt 9.735,09 tỷ đồng (chiếm 24,88%). Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2010-2015 đạt 5,09%.

Theo giá hiện hành, trong lĩnh vực nông lâm nghiệp thủy sản, thì nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất cao là 86,59%, tỷ trọng sản xuất ngành lâm nghiệp là 7,29% và tỷ trọng sản xuất thủy sản đạt 6,12%.

Cơ cấu giá trị tăng thêm nội bộ ngành nông nghiệp tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành chăn nuôi tăng từ 42,7% năm 2010 lên 47,12% năm 2015, trồng trọt giảm 53,1% năm 2010 xuống còn 48,59% năm 2015 (giá so sánh).

- Về trồng trọt: Giá trị gia tăng ngành trồng trọt đạt 3.866,41 tỷ đồng (giá thực tế), chiếm 45,87% giá trị gia tăng ngành nông nghiệp. Tổng sản lượng lương thực năm 2015 đạt 459.859 tấn. Sản lượng lương thực bình quân đạt 335,5 kg/người. Tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng đạt 152.089,3 ha, trong đó cây hàng năm đạt 120.975,8 ha, cây lâu năm đạt 31.113,5 ha.

- Về chăn nuôi: Giá trị gia tăng ngành chăn nuôi đạt 4.206,27 tỷ đồng (giá thực tế), chiếm 49,9% giá trị gia tăng ngành nông nghiệp. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 138.701,9 tấn.

- Về lâm nghiệp: năm 2015, giá trị gia tăng ngành lâm nghiệp đạt 709,56 tỷ đồng (giá thực tế). Đất lâm nghiệp có diện tích 170.718,61 ha, trong đó đất rừng sản xuất đạt 120.768,94 ha, rừng phòng hộ 33.528,05 ha, rừng đặc dụng 16.421,62 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 48,3%.

- Về thủy sản: Nuôi trồng thủy sản tiếp tục được tập trung phát triển đã có những đóng góp đáng kể cho ngành nông nghiệp. Giá trị tăng thêm ngành thủy sản đạt 405,25 tỷ đồng (giá thực tế). Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 đạt 10.121,8 ha, tổng sản lượng thủy sản đạt 28.167,7 tấn.

Định hướng đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng nông lâm thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020 là 3,5-4,0%; trong đó: Lĩnh vực nông nghiệp tăng trưởng bình quân 3,3%/năm; lĩnh vực lâm nghiệp tăng trưởng bình quân 9,46%/năm; lĩnh vực thủy sản tăng trưởng bình quân 5,5%/năm. Cơ cấu ngành nông lâm thủy sản: Nông nghiệp 84,3% (trong đó trồng trọt 46,0%, chăn nuôi 49,2%, dịch vụ 4,8%) lâm nghiệp 8,8%, thủy sản 6,9%.

- Giai đoạn 2021-2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm nông lâm thủy sản bình quân giai đoạn 2021-2030 tăng 3,5%/năm. Cơ cấu ngành nông lâm thủy sản: Nông nghiệp 80,8%, lâm nghiệp 11,1%, thủy sản 8,1%.

5. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2015, tổng diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 297.318,33 ha chiếm 84,12% tổng diện tích toàn tỉnh. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 118.467,6 ha chiếm 39,85% tổng diện tích đất nông nghiệp, bao gồm:

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm là 63.073,65 ha, chiếm 53,24% diện tích đất sản xuất nông nghiệp với diện tích đất trồng lúa là 46.924,21 ha, chiếm 74,4% diện tích trồng cây hàng năm. Diện tích trồng cây hàng năm khác là 16.149,44 ha, chiếm 25,6% diện tích trồng cây hàng năm.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm có 55.393,95 ha, chiếm 46,76% diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

- Đất lâm nghiệp có diện tích 170.718,61 ha, chiếm 57,42% tổng diện tích đất nông nghiệp, bao gồm:

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 120.768,94 ha.

+ Diện tích đất rừng phòng hộ là 33.528,05 ha.

+ Diện tích đất rừng đặc dụng là 16.421,62 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản hiện có 7.997,63 ha, chiếm 2,69% tổng diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nông nghiệp khác chỉ có 134,49 ha.

Theo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 274.562 ha, giảm 22.746,33 ha so với năm 2015. Trong đó:

- Diện tích đất lúa sẽ giảm 5.124,21 ha còn 41.800 ha. Đất trồng cây lâu năm còn 37.345 ha, giảm 18.048,95 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp là 181.420 ha, tăng 10.701,39 ha so với năm 2015.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 2.933,63 ha còn 5.064 ha vào năm 2020.

- Diện tích đất nông nghiệp khác không còn.

6. Ngành trồng trọt

Trong năm 2015, ngành trồng trọt vẫn còn chiếm tỷ trọng không quá cao trong nông nghiệp (45,87%). Giá trị tăng thêm trồng trọt tăng từ 2.577,2 tỷ đồng lên 2.912,53 tỷ đồng giai đoạn 2010 - 2015 (giá so sánh), tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,48%/năm. Giá trị sản xuất/ha đất canh tác năm 2015 đạt 83,73 triệu đồng, tăng 26,2 triệu đồng so với năm 2010.

Kết quả đạt được trong năm 2015:

- Cây lương thực có hạt: Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2015 đạt 459,86 nghìn tấn. Bình quân lương thực đạt 335,5 kg/người/năm. Diện tích lúa cả năm đạt 69.409,7 ha, sản lượng đạt 370.317,5 tấn. Diện tích gieo trồng ngô đạt 12.211,9 ha, sản lượng đạt 89.541,5 tấn.

- Cây hàng năm khác: Toàn tỉnh hiện có 2.262 ha khoai lang, sản lượng thu được năm 2015 đạt 14.494,6 tấn. Diện tích sản đạt 8.277,6 ha năm 2015, sản lượng đạt 115.056,7 tấn. Diện tích gieo trồng rau các loại đạt 12.675,8 ha, sản lượng đạt 182.168,7 tấn. Diện tích cây công nghiệp hàng năm đạt 5.194,3 ha, gồm những cây trồng như: Lạc, đậu tương, mía, vừng, bông.

- Diện tích cây công nghiệp lâu năm đạt 19.005,5 ha, trong đó có: diện tích chè đạt 16.584 ha, diện tích cho thu hoạch đạt 15.314,6 ha, sản lượng đạt 154.753,3 tấn; Cây sơn: diện tích đạt 2.206,5 ha, diện tích cho thu hoạch đạt 1.417,9 ha, sản lượng đạt 672 tấn.

- Diện tích một số cây ăn quả chủ yếu: cây cam, chanh, quýt đạt 657,8 ha, cây bưởi đạt 2.573,4, cây nhãn, vải, hồng đạt 2.074,1 ha.

Quy hoạch: Tới năm 2020, tỉnh Phú Thọ phấn đấu:

- *Cây lúa:* Đến năm 2020, đất trồng lúa 41,8 nghìn ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước 28,5 nghìn ha, diện tích gieo trồng cả năm 66 nghìn ha, sản lượng thóc 370 nghìn tấn. Chuyển đổi 2.500 - 3.000 ha diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng rau, trồng cỏ chăn nuôi ở những vùng cao hạn và kết hợp nuôi trồng thủy sản ở những vùng trũng thấp. Diện tích lúa lai chiếm 45%, diện tích lúa chất lượng cao chiếm 45%, xây dựng “Cánh đồng lớn”, hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao tập trung với diện tích 6,5 nghìn ha tại các huyện: Lâm Thao, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Yên Lập và Thị xã Phú Thọ.

- *Cây ngô:* Đến năm 2020, diện tích gieo trồng đạt 19 nghìn ha, sản lượng 95,95 nghìn tấn. Duy trì diện tích ngô phục vụ phát triển chăn nuôi. Bố trí phát triển tập trung tại các vùng đất chuyên màu, đất bãi ven sông và vùng trồng luân canh sau đất lúa tại các huyện: Đoan Hùng, Thanh Ba, Phù Ninh, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn.

- *Cây chè:* Đến năm 2020, diện tích chè 16,5 nghìn ha, sản lượng 176 nghìn tấn, tỷ lệ chè giống mới trên 80%. Phát triển chè chất lượng cao gắn với

xây dựng thương hiệu, diện tích được chứng nhận theo quy trình sản xuất an toàn trên 6,5 nghìn ha.

+ Vùng nguyên liệu chế biến chè đen tập trung tại 9 huyện vùng trọng điểm: Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Phù Ninh, Thanh Ba, Thanh Thủy.

+ Vùng nguyên liệu chế biến chè xanh: chủ yếu tại các huyện Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Phù Ninh, Thanh Ba; phát triển chè xanh tại đặc sản tại các xã vùng núi cao huyện Tân Sơn, Thanh Sơn.

+ Diện tích chè chuyên canh tập trung 2.000 ha, chiếm hơn 12 % tại các huyện: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Yên Lập, Thanh Sơn và Tân Sơn.

- *Cây bưởi*: Đến năm 2020, diện tích bưởi Đoan Hùng và bưởi Diễn đạt 5.000 ha, trong đó bưởi Đoan Hùng 1.500 ha, bưởi Diễn 3.500 ha. Bố trí trồng tại vùng đồi thấp có độ dốc <150 và đất cao hạn, thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, đất tơi xốp, thoát nước tốt.

+ Bưởi Đoan Hùng: phát triển tại 18 xã thượng huyện Đoan Hùng.

+ Bưởi Diễn: phát triển tại các huyện, thị trong tỉnh, trong đó vùng sản xuất tập trung tại các huyện: Phù Ninh, Yên Lập, Thanh Thủy, Thanh Ba, Thanh Sơn, Tam Nông, 10 xã phía Nam huyện Đoan Hùng.

- *Rau các loại*: Đến năm 2020, diện tích gieo trồng cây rau các loại đạt 13 nghìn ha, sản lượng 221 nghìn tấn. Đầu tư phát triển các vùng sản xuất rau tập trung, sản xuất rau an toàn, hữu cơ, rau công nghệ cao trong nhà lưới, nhà màng.

+ Vùng sản xuất rau tập trung chuyên canh tại 9 huyện, thành thị: Thành phố Việt Trì, Thị xã Phú Thọ, các huyện Cẩm Khê, Thanh Ba, Tam Nông, Lâm Thao, Thanh Thủy, Phù Ninh, Hạ Hòa với diện tích 890 ha.

+ Vùng rau luân canh với cây trồng khác, trồng rau vụ đông sản xuất phục vụ các nhà máy chế biến.

+ Chuyển một số diện tích đất lúa sang trồng rau chuyên canh tại vùng ven khu đô thị, thuận lợi về giao thông của các huyện: Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Phù Ninh, Tam Nông.

- *Cây có múi khác* (cây cam, quýt, bưởi khác): Trồng thử nghiệm một số giống cam, quýt, bưởi khác có chất lượng cao tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh.

- *Các cây trồng khác*: Quy hoạch phát triển các cây trồng khác như cây sơn, hồng không hạt, khoai lang, lạc, đậu tương... được bố trí quy mô phù hợp và theo thế mạnh vùng sản xuất của các địa phương.

7. Ngành chăn nuôi

Phú Thọ là tỉnh có ngành chăn nuôi bò, lợn, gia cầm phát triển khá tốt. Với mục tiêu đưa chăn nuôi trở thành một ngành kinh tế chính, Phú Thọ đã và sẽ tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích chăn nuôi và tạo nhiều cơ chế thông thoáng, đặc thù thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nói chung và chăn nuôi nói riêng.

Trong năm 2015, giá trị tăng thêm ngành chăn nuôi theo giá so sánh đạt 2.824,5 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 5,96%/năm. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất lĩnh vực nông nghiệp tương đối cao, đạt 49,9%.

Đến năm 2015 đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh có: Tổng đàn trâu đạt 72.123 con; Tổng đàn bò đạt 105.206 con; Tổng đàn lợn có 815.795 con; Tổng đàn dê có 11.657 con; Tổng đàn gia cầm các loại có 11.751,5 nghìn con, trong đó: gà có 10.154,9 nghìn con, vịt ngan ngỗng có 1.461,3 nghìn con. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng là 138,7 nghìn tấn.

Quy hoạch trong thời gian tới về chăn nuôi:

- *Chăn nuôi lợn:* Đến năm 2020, tổng đàn lợn đạt 860 nghìn con; trong đó đàn lợn nái 103,2 nghìn con, sản lượng thịt hơi 114,5 nghìn tấn.

+ Vùng đầu tư trang trại chăn nuôi lợn tập trung qui mô lớn tại 130 xã thuộc 10 huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Đoan Hùng, Thanh Ba, Hạ Hòa, Tam Nông, Thanh Thủy, Phù Ninh.

+ Chủ động sản xuất, cung ứng cơ bản các giống bố, mẹ chủ lực chất lượng cao tại các địa phương trong tỉnh; hình thành 03 - 04 cơ sở khai thác tinh lợn chất lượng cao tại các huyện: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Cẩm Khê.

- *Chăn nuôi gà thịt, gà đẻ trứng:* Đến năm 2020, tổng đàn gà đạt 11,88 triệu con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 33,5 nghìn tấn, sản lượng trứng 170 triệu quả. Xây dựng thương hiệu gà thịt Phú Thọ.

+ Vùng đầu tư trang trại chăn nuôi gà thịt, gà trứng tập trung tại 126 xã thuộc 10 huyện có thế mạnh về đất đồi, rừng, vườn gồm: Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Ba, Hạ Hòa, Đoan Hùng, Thanh Thủy, Tam Nông, Phù Ninh.

+ Sản xuất giống gà Ri lai tại Trung tâm giống vật nuôi của tỉnh, khuyến khích 2-3 cơ sở đầu tư sản xuất giống gà Ri lai; bảo tồn và phát triển giống gà nhiều cựa Tân Sơn.

- *Chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản:* Đến năm 2020, tổng đàn bò đạt 110 nghìn con, trong đó bò lai Zebu, BBB, Red August,... chiếm 85%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6,5 nghìn tấn.

+ Vùng chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt tập trung và sản xuất, cung ứng giống bò cái nền lai Zebu trên địa bàn 80 xã thuộc 10 huyện: Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Ba, Hạ Hòa, Đoan Hùng, Tam Nông, Thanh Thủy, Phù Ninh.

- *Chăn nuôi trâu:* Đến năm 2020, tổng đàn trâu đạt 69 nghìn con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 5,25 nghìn tấn. Tuyển chọn tại chỗ kết hợp nhập có chọn lọc một số giống trâu có tầm vóc lớn và thụ tinh nhân tạo để cải tạo tầm vóc, tăng trọng lượng xuất chuồng.

+ Vùng chăn nuôi trâu tập trung tại 20 xã thuộc 04 huyện: Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê.

- *Các vật nuôi khác:* Quy hoạch phát triển đàn thủy cầm, chăn nuôi dê, ong, thỏ, nhím, lợn rừng,... ở các khu vực có điều kiện thích hợp, làm đa dạng, phong phú các loại hình chăn nuôi của tỉnh, nâng cao thu nhập cho người dân.

8. Ngành thủy sản

Thủy sản được xác định là 1 trong 6 chương trình nông nghiệp trọng điểm của tỉnh Phú Thọ. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 đạt 10.121,8 ha, tổng sản lượng thủy sản đạt 28.167,7 tấn, trong đó 27.670,8 tấn là nuôi trồng, 469,9 tấn là khai thác.

Giá trị tăng thêm thủy sản năm 2015 đạt 595.680 triệu đồng (giá hiện hành), chiếm 6,12% giá trị sản xuất toàn ngành, trong đó: nuôi trồng thủy sản đạt 552.236 triệu đồng, khai thác tự nhiên đạt 41.089 triệu đồng, dịch vụ thủy sản đạt 2.355 triệu đồng. Tốc độ tăng giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 11,29%/năm.

** Quy hoạch thủy sản giai đoạn 2016 - 2020*

- Sản xuất cá giống: Đến năm 2020, sản xuất cá giống các loại đạt 4,0 tỷ con/năm, trong đó: cá giống đặc sản chiếm 10%; cá giống năng suất cao 30%.

+ Sản xuất giống cá bột: diện tích 35 ha, sản xuất đạt trên 3,0 tỷ con/năm tại 9 cơ sở hiện có.

+ Ương nuôi cá giống: diện tích 250 ha, sản xuất 1,0 tỷ con/năm các loại cá hương, cá giống tại các huyện: Cẩm Khê, Hạ Hòa, Thanh Thủy, Thanh Ba, Lâm Thao, Tam Nông, thị xã Phú Thọ.

- Sản xuất cá thương phẩm: Đến năm 2020, tổng sản lượng đạt 43 nghìn tấn, trong đó sản lượng cá đặc sản chiếm trên 13,5%; cá truyền thống có năng suất cao, cá giống mới 35%; các loại cá khác 51,5%.

+ Diện tích chuyên nuôi cá thương phẩm ổn định 5,3 nghìn ha; tập trung tại các huyện: Hạ Hòa, Cẩm Khê, Thanh Thủy, Tam Nông, Thanh Ba, thị xã Phú Thọ, Lâm Thao và thành phố Việt Trì.

+ Phát triển nuôi cá lồng thâm canh trên sông Đà và sông Lô và 13 hồ chứa có dung tích từ 1 triệu m³ trở lên, tổng số lồng 1.970 lồng, sản lượng trên 10 nghìn tấn, trong đó sản lượng cá đặc sản chiếm trên 45%.

9. Ngành lâm nghiệp

Giá trị tăng thêm ngành lâm nghiệp năm 2015 (theo giá hiện hành) đạt 709.599 tỷ đồng, trong đó trồng và nuôi rừng đạt 42.881 tỷ đồng, khai thác gỗ và lâm sản đạt được 643.487 tỷ đồng, các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp đạt 15.317 tỷ đồng, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác đạt 7.874 tỷ đồng (theo giá thực tế). Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 7,22%/năm.

Trong năm 2015, diện tích đất lâm nghiệp có rừng tỉnh Phú Thọ đạt 170.718,61 ha (rừng sản xuất đạt 120.768,94 ha, rừng phòng hộ đạt 33.528,05 ha, rừng đặc dụng 16.421,62 ha). Sản lượng khai thác năm 2015 để lấy gỗ là 437,94 nghìn m³ tăng gấp hơn 2,9 lần so với năm 2010 (150,45 nghìn m³), để lấy củi là 1.482,07 nghìn ste.

** Quy hoạch trong thời gian tới ngành lâm nghiệp:*

- *Rừng đặc dụng:* Tiếp tục bảo vệ nghiêm ngặt 17.302 ha diện tích rừng đặc dụng, bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học của rừng; khai thác, phát triển du lịch sinh thái; bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

- *Rừng phòng hộ:* Chuyển khoảng 5 nghìn ha đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang đất rừng sản xuất; khoán bảo vệ rừng 24 nghìn ha/năm ở các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Tam Nông, Phù Ninh, Thanh Ba; trồng, chăm sóc rừng 3,5 nghìn ha, tập trung ở các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê.

+ Làm giàu rừng kết hợp với phát triển cây dược liệu dưới tán rừng 350 ha tại các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hòa và Yên Lập.

- *Rừng sản xuất:* Trồng rừng tập trung: Sử dụng có hiệu quả diện tích hiện có, hàng năm trồng mới trên 12,0 nghìn ha tại các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Thanh Ba, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Đoan Hùng, Phù Ninh, Thanh Thủy và Tam Nông; chuyển đổi rừng trồng bạch đàn tái sinh, đưa các giống có chất lượng cao (keo lai, mỡ, quế) vào sản xuất, thâm canh nâng cao năng suất rừng trồng.

+ Trồng và chuyển hóa rừng cây gỗ lớn: 8,42 nghìn ha (trồng 3,45 nghìn ha, chuyển hóa rừng 4,97 nghìn ha) tại các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Đoan Hùng, Hạ Hòa.

+ Làm giàu từ rừng kết hợp trồng cây dược liệu 150 ha tại các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập.

10. Ngành sản xuất muối

11. Ngành thủy lợi

- Công trình tưới: toàn tỉnh hiện có 2.026 công trình tưới, trong đó: 1.341 hồ, đập dâng; 432 phai dâng; 222 trạm bơm tưới, 31 trạm bơm tưới tiêu kết hợp và nhiều công trình tạm. Năng lực tưới hiện tại đảm bảo tưới được: Lúa chiêm 29.500/36.500 ha đạt 80,8 %; lúa mùa 26.300/33.100 ha đạt 79,6%; diện tích màu 2.100/14.100 ha đạt 15%.

Hệ thống kênh tưới toàn tỉnh hiện có 3.907 km kênh các loại, 79,4 km đường ống dẫn nước; hầu hết đều là kênh đất; trong đó: Kênh cấp I, II: 733 km; kênh cấp III: 3.173 km. Tổng số km kênh được thực hiện kiên cố hóa 1.216 km; trong đó: Kênh cấp I, II: 431/733km, đạt 58,7 %. Kênh cấp III (nội đồng): 785/3.174 km, đạt 24,7 %.

- Công trình tiêu: toàn tỉnh hiện có 27 kênh tiêu lớn và nhiều kênh tiêu nhỏ; 13 trạm bơm chuyên tiêu, 31 trạm bơm tưới tiêu kết hợp và chia làm 03 vùng tiêu, gồm: vùng tiêu sông Đà, sông Thao, sông Lô với 3 hình thức tiêu là tiêu tự chảy tự nhiên, tiêu tự chảy có công trình và tiêu bằng động lực. Diện tích cần tiêu toàn tỉnh là 352.800 ha, trong đó tiêu tự nhiên 191.900 ha, tiêu tự chảy có công trình 146.200 ha, tiêu động lực 16.700 ha. Hiện tại, đã tiêu tự chảy có công trình 135.100 ha, tiêu động lực 7.300 ha.

* Quy hoạch thủy lợi tới năm 2020:

Tập trung đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi tại các vùng chuyên canh, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung của tỉnh. Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác trong nước và ngoài nước, đồng thời huy động sự đóng góp của người dân để đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

- Xây dựng mới 272 công trình; cải tạo, nâng cấp 554 công trình. Trong đó, ưu tiên xây dựng mới 61 công trình; cải tạo, nâng cấp 107 công trình.

- Kiên cố hóa 302 km kênh cấp I,II; 1.575 km kênh cấp III.

- Xây mới 29 công trình; cải tạo, nâng cấp 95 công trình. Trong đó, ưu tiên xây dựng mới 15 công trình; cải tạo nâng cấp 31 công trình.

- Xây dựng mới bờ vùng cho 20 cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung với tổng chiều dài bờ vùng khoảng 38 km.

Đến năm 2020: Cấp nước tưới chủ động cho 34.500 ha lúa; 7.800 ha diện tích màu; Tạo nguồn tưới cho diện tích cây vùng đồi 2.400 ha; Cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản 3.700 ha.

Đảm bảo diện tích tiêu toàn tỉnh đạt 162.400 ha, trong đó tiêu tự chảy qua cống 142.300 ha; tiêu động lực chủ động 20.100 ha.

12. Ngành nghề chế biến và cơ sở hạ tầng nông nghiệp

* Ngành nghề chế biến

- Chế biến sản: Có 2 doanh nghiệp chế biến sản (Công ty TNHH sản Sơn Sơn, công suất 200 tấn củ tươi/ngày; Công ty lương thực Vĩnh Phú công suất 120 tấn củ tươi/ngày; sản lượng chế biến của 2 cơ sở đạt 3,5-4 nghìn tấn) và 19 xưởng chế biến nhỏ với công suất máy 4 - 8 tấn củ tươi/ngày, các cơ sở chế biến không đầu tư xử lý chất thải, gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

- Chế biến chè: Toàn tỉnh hiện có 63 cơ sở, doanh nghiệp chế biến chè với công suất trên 1 tấn búp tươi/ngày; 12 làng nghề sản xuất, chế biến chè và trên 1.200 cơ sở chế biến thủ công hộ gia đình. Tổng nhu cầu nguyên liệu/1 năm theo thiết kế của các cơ sở là 260.190 tấn chè búp tươi, nguồn nguyên liệu của tỉnh mới chỉ đáp ứng 58,5% so với tổng công suất thiết kế của các cơ sở chế biến.

- Về cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 cơ sở giết mổ gia súc tập trung đang hoạt động là Cơ sở giết mổ của Công ty dịch vụ môi trường đô thị TX. Phú Thọ với công suất thiết kế: 60-70 con lợn/ngày được sử dụng năm 2003 nhưng thường chỉ đạt 50% công suất thiết kế. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có hơn 1.600 hộ tham gia giết mổ gia súc, gia cầm; trong đó có 1.120 hộ tham gia giết mổ lợn, 77 hộ giết mổ trâu, bò, ngựa và 300 hộ giết mổ gia cầm.

- Về chế biến lâm sản: Sản lượng gỗ khai thác hàng năm trên 350 nghìn m³, năm 2014 đạt 374,2 nghìn m³ gỗ và 1,4 triệu ster củi; sản lượng tiêu thụ gỗ hàng năm 1,2 triệu m³; các sản phẩm chế biến chủ yếu như: giấy, bao bì, ván bóc, ván ép, đồ gỗ gia dụng... Nguồn nguyên liệu gỗ chủ yếu phục vụ cho nhu cầu chế biến trong tỉnh.

* Cơ sở hạ tầng nông nghiệp:

- Hệ thống giao thông: Toàn tỉnh 100% số xã có đường ô tô đến được UBND xã, trong đó có 205 xã có đường đến trụ sở UBND xã được nhựa, bê tông hóa, đạt 82,33% tổng số xã trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ đường liên xã toàn tỉnh được nhựa, bê tông hóa là 47,96%; tỷ lệ đường liên thôn được nhựa, bê tông hóa là 54,96%; tỷ lệ đường ngõ xóm được nhựa, bê tông hóa là 20,82%; tỷ lệ đường trục ra đồng được nhựa, bê tông hóa là 25,83%.

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất: 100% tổng số xã có điện, số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn là 230 xã, chất lượng điện ở khu vực nông thôn được nâng cao, thể hiện qua tỷ lệ xã, thôn và hộ có điện lưới quốc gia.

- Hệ thống chợ nông thôn: toàn tỉnh hiện nay có 214 xã có chợ (trong đó chợ hạng I có 02 chợ, chợ hạng II có 13 chợ, chợ hạng III và chợ tạm có 199 chợ) đều có khu vực bán sản phẩm nông nghiệp.

13. Tình hình phát triển nông thôn

Năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh là 12,04%, tỷ lệ hộ cận nghèo là 8,5% tổng số hộ trên địa bàn toàn tỉnh. Tỷ lệ số hộ nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh mới đạt %.

Sau 5 năm thực hiện chương trình NTM giai đoạn 2011 - 2015, trong 247 xã triển khai xây dựng nông thôn mới có 19 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, các tiêu chí nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh đều được nâng cao về số lượng và chất lượng. Bình quân tiêu chí tăng thêm của các xã trên địa bàn tỉnh đạt 1,02 tiêu chí/xã/năm. 51 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 89 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí. Không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

Kết cấu hạ tầng nông thôn từng bước được đầu tư đồng bộ, phát huy hiệu quả cao trong sản xuất, dân sinh. Thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được cải thiện và nâng cao, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, lòng tin của người dân vào Đảng, chính quyền được nâng lên.

Quy hoạch mục tiêu phát triển nông thôn giai đoạn 2016 - 2020:

- Toàn tỉnh có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Lâm Thao, huyện Thanh Thủy); 124 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 57 xã đạt chuẩn nông thôn mới). Bình quân tiêu chí toàn tỉnh đạt 15 tiêu chí/xã. Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, chỉ đạo xây dựng khu dân cư nông thôn mới: Mục tiêu hàng năm phấn đấu mỗi huyện công nhận ≥ 5 khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quy định của UBND tỉnh.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5%/năm; phấn đấu đưa huyện Tân Sơn thoát nghèo.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 70%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm còn 50% tổng lao động toàn xã hội.

- Lao động có việc làm tăng thêm 5 năm đạt 77,5 nghìn người; xuất khẩu lao động 2,5 nghìn người/năm trở lên.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 82% dân số; có 11 bác sỹ, 32,4 giường bệnh trên 1 vạn dân; 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý ở khu dân cư tập trung ở nông thôn đạt 65%; 100% chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn.

14. Trang đầu tư nông nghiệp và xuất khẩu nông sản

Tổng số vốn đầu tư trên địa bàn theo giá hiện hành năm 2015 là 17.468.490 triệu đồng, trong đó đầu tư cho nông lâm thủy sản là 1.027.590 triệu đồng. Tỷ trọng vốn đầu tư cho nông lâm thủy sản giảm từ 22,5% (năm 2010) xuống còn 5,9% (năm 2015).

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020 ước tính 7.700 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2030 ước tính là 19.810 tỷ đồng. Nhằm thu hút vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp của tỉnh trong những năm tới, tỉnh đã đề ra những giải pháp cụ thể:

- Ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp hiện đại.

- Ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư vào kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp (chế biến nông sản, thương mại nông sản)

- Kêu gọi các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau củ quả, lúa chất lượng cao, chè, bưởi, sơn...

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tư nhân đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, từng bước cơ giới hóa, mở rộng các ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là sản xuất hàng hóa.

Giá trị xuất khẩu tăng trưởng đều qua các năm: năm 2010 đạt 340,738 triệu USD, năm 2015 đạt 963,012 triệu USD. Hàng nông sản xuất khẩu trong của tỉnh chủ yếu là mặt hàng chè khô. Năm 2015, giá trị xuất khẩu chè khô đạt 25,855 triệu USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là: Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Apganikistan, Ấn Độ, Nga, Đông Âu, các nước EU, các nước ASEAN.